

Kịch bản hội thoại

1 おはようございます

[01-1]

Chào buổi sáng.

[01-2]

Xin chào.

[01-3]

Chào buổi tối.

[01-4]

Chúc ngủ ngon.

[01-5]

Mời mọi người cùng ăn.

[01-6]

Cảm ơn vì bữa ăn ngon.

2 いってらっしゃい

[02-1]

Gia đình bản xứ : Đi cẩn thận nhé!

Bạn : Tôi đi đây.

[02-2]

Gia đình bản xứ : Mừng anh/chị đã về.

Bạn : Tôi đã về rồi đây.

[02-3]

Đồng nghiệp : Tôi xin phép về trước ạ.

Bạn : Anh/chị cũng vất vả rồi ạ.

[02-4]

Người bạn : Chào mừng cậu đến chơi!

Bạn : Tôi xin phép vào.

3 ^{おそ}遅くなつてごめん

[03-1]

Người bạn : Này, quà cho cậu đây.

Bạn : Oa, cảm ơn cậu nhé.

[03-2]

Bà cụ : May mà được cháu giúp. Cảm ơn cháu nhiều nhé.

Bạn : Dạ không có gì đâu ạ.

[03-3]

Người đàn ông : Á! Đau quá!

Bạn : Tôi xin lỗi.

[03-4]

Người bạn : Xin lỗi vì tới đến muộn nhé!

Bạn : Không sao đâu mà.

4 いい^{てんき}天気ですね

[04-1]

Hàng xóm: Chào buổi sáng. Dạo này trời lạnh nhỉ.

Bạn : Vâng, đúng thế ạ.

[04-2]

Hàng xóm: A, chào cháu. Hôm nay trời đẹp nhỉ.

Bạn : Vâng, đúng thế ạ.

[04-3]

Hàng xóm: Ngày nào trời cũng nóng quá nhỉ.

Bạn : Vâng, thật sự là thế ạ.

[04-4]

Hàng xóm: À, chào cháu. Hôm nay gió mạnh nhỉ.

Bạn : Vâng, đúng thế ạ.

[04-5]

Hàng xóm: Chà, hôm nay mưa to khủng khiếp nhỉ.

Bạn : Vâng, thật sự là thế ạ.

[04-6]

Hàng xóm: Dạo này trời mát hơn rồi nhỉ.

Bạn : Vâng, đã vào thu rồi nhỉ.

5 よ 読んでください

[05-1]

Giáo viên: Hãy nghe nhé.

[05-2]

Giáo viên: Hãy xem nhé.

[05-3]

Giáo viên: Hãy đọc nhé.

[05-4]

Giáo viên: Hãy viết nhé.

[05-5]

Giáo viên: Hãy nói nhé.

[05-6]

Giáo viên: Hãy nói chuyện theo cặp nhé.

6 ベトナムから来^きました

[06-1]

Linh : Chào mọi người, rất vui được làm quen. Tôi là Linh.
Tôi đến từ Việt Nam. Rất mong được mọi người giúp đỡ.

[06-2]

Jong : Tôi là Kim Jong-ho. Cứ gọi tôi là Jong nhé.
Jong: Tôi đến từ Hàn Quốc. Tôi đã đến Nhật vào năm ngoái. Rất mong được mọi người giúp đỡ.

[06-3]

Thapa : Rất vui được làm quen. Tôi tên là Thapa.
Tôi đến từ Nepal. Rất mong nhận được sự giúp đỡ của mọi người.

[06-4]

Alice : Rất vui được làm quen. Tôi là Alice.
Bố mẹ tôi xuất thân từ Ấn Độ, nhưng tôi sinh ra ở Úc.

7 ^{てんちょう}店長をしています

[07-1]

Bạn : Chị Linh làm công việc gì vậy ạ?

Linh : Tôi làm việc ở một nhà hàng, được khoảng 15 năm rồi. Hiện tôi đang làm quản lý nhà hàng.

[07-2]

Bạn : Chị Alice đang làm công việc gì thế ạ?

Alice : Tôi đang, à, dạy tiếng Anh ở trường tiểu học.

[07-3]

Bạn : Còn anh Jong thì sao?

Jong : Mình vẫn đang là sinh viên đại học. Mình là sinh viên năm ba khoa Kỹ thuật.

[07-4]

Bạn : Anh Thapa đang làm công việc gì vậy ạ?

Thapa : Tôi đang làm kỹ sư ô tô.

8 おいくつですか

[08-1]

Bạn : Bé đáng yêu quá nhỉ. Bé mấy tuổi rồi ạ?

Hàng xóm : 5 tuổi rồi.

[08-2]

Đồng nghiệp: Hôm nay là sinh nhật mèo cưng của tôi.

Bạn : Ồ, chúc mừng anh/chị ạ. Bé được mấy tuổi rồi ạ?

Đồng nghiệp: Bé được ba tuổi rồi.

[08-3]

Bạn : Con trai anh/chị hiện là sinh viên đại học ạ?

Đồng nghiệp: Không, cháu đi làm rồi. Năm nay 27 tuổi rồi đấy.

[08-4]

Bạn : Con gái anh/chị năm nay bao nhiêu tuổi rồi ạ?

Đồng nghiệp: Năm nay cháu tròn 20 tuổi rồi.

[08-5]

Bạn : Bác trai có khỏe không ạ?

Đồng nghiệp: Vâng, bố tôi vẫn khỏe. Năm nay ông 60 tuổi.

9 ^{たんじょう び}誕生日はいつですか

[09-1]

Bạn : Anh Shota ơi, sinh nhật anh là khi nào thế?

Shota : Là ngày 2 tháng 12.

[09-2]

Bạn : Thưa thầy/cô, khi nào có bài kiểm tra ạ?

Giáo viên : Là ngày 1 tháng 2.

[09-3]

Giáo viên : Các em, hạn nộp bài tập về nhà là ngày 9 tháng 4 nhé.

[09-4]

Bạn : Anh Thanh ơi, sắp đến kỳ nghỉ hè rồi nhỉ. Khi nào anh về nước thế?

Thanh : Tôi sẽ về vào ngày 24 tháng 7.

[09-5]

Bạn : Anh Takahashi, chuyển công tác bắt đầu từ khi nào ạ?

Takahashi : Từ ngày 20 tháng 9.

10 ^{いもうと} 妹 のあかりです

[10-1]

Ueda : Đây là bố tôi.

[10-2]

Ueda : Đây là mẹ tôi.

[10-3]

Bạn : Còn người này là...

Ueda : Là anh trai tôi. Anh ấy hơn tôi 2 tuổi.

[10-4]

Bạn : Người này là...

Ueda : Là Akari, em gái tôi.

11 いくらですか

[11-1]

Bạn : Chiếc mũ này đáng yêu quá! Giá bao nhiêu ạ?

Người bán hàng : 4.000 yên.

Bạn : Thế ạ. Ồ, còn chiếc túi kia thì sao?

Người bán hàng : 6.800 yên.

Bạn : Thế ạ.

[11-2]

Bạn : Chiếc áo thun này cũng đẹp nhỉ... Giá bao nhiêu ạ?

Người bán hàng : Cái đó vốn là 1.000 yên, nhưng mà...

Người bán hàng: Đang giảm 50%, nên 500 yên là được nhé.

Bạn : Ôi, thật ạ! Vậy cho tôi lấy cái này nhé.

12 ばんそうこうはどこですか

[12-1]

Bạn : Xin lỗi cho hỏi một chút ạ.

Nhân viên A : Vâng, xin kính chào quý khách.

Bạn : À, băng... băng cá nhân...? Ở đây có bán không ạ?

Nhân viên A : À, là “băng cá nhân” phải không ạ?

Băng cá nhân có ở cửa hàng dược mỹ phẩm dưới tầng hầm B1 ạ.

Bạn : Tôi hiểu rồi. Cảm ơn chị.

[12-2]

Bạn : Xin lỗi, băng cá nhân ở đâu vậy ạ?

Nhân viên B : Băng cá nhân ạ? Băng cá nhân ở ... phía kia, gần lối vào.

Bạn : À, tôi thấy rồi. Cảm ơn chị.

13 お弁当は温めですか

[13-1]

Bạn : Nhờ chị tính tiền giúp ạ.

Nhân viên: Tôi xin nhận ạ. Quý khách có cần túi ni-lông không ạ?

Bạn : Không cần đâu ạ, tôi có mang theo túi riêng rồi.

Nhân viên: Tôi bỏ vào túi giúp quý khách nhé?

Bạn : Tôi tự bỏ vào được ạ. Cảm ơn chị.

Nhân viên: Quý khách có muốn tôi hâm nóng cơm hộp không ạ?

Bạn : À, làm ơn hâm nóng giúp tôi.

[13-2]

Nhân viên: Mặt hàng này cần xác nhận độ tuổi, xin lỗi nhưng quý khách có thể cho tôi xem giấy tờ tùy thân được không ạ?

Bạn : À, thẻ cư trú có được không ạ?

Nhân viên: Dạ được ạ. ... Tôi đã xác nhận xong. Cảm ơn quý khách.
Tổng số tiền của quý khách là 1.580 yên.

Bạn : Tôi thanh toán bằng thẻ IC giao thông ạ.

Nhân viên: Vâng xin vui lòng chạm thẻ vào đây ạ.

14 ポイントアプリはお持ち^もですか

[14-1]

Nhân viên: Thưa quý khách, anh có ứng dụng tích điểm không ạ?

Bạn : Không, tôi không có.

Nhân viên: Nếu sử dụng ứng dụng, cứ mỗi 100 yên mua sắm anh sẽ được tích 1 điểm ạ.

Bạn : Chà, vậy ạ.

Nhân viên: Điểm tích lũy được có thể dùng cho lần mua sắm tiếp theo với giá trị 1 điểm tương đương 1 yên.

Bạn : Ra là vậy.

[14-2]

Nhân viên: Để sử dụng, sau khi tải ứng dụng về, anh cần đăng ký tên và địa chỉ email ạ.

Bạn : Thế ạ. Nhưng mà, ừm, hôm nay tôi không có thời gian nên thôi ạ.

15 あちらの試着^{し ちゃくしつ}室へどうぞ

[15-1]

Nhân viên: Thưa quý khách, tôi có thể giúp gì cho chị không ạ?

Bạn : Xin hỏi, tôi có thể thử đồ được không?

[15-2]

Nhân viên: Dạ vâng, tôi hiểu rồi. Chị thử mấy món ạ?

Bạn : 2 món ạ.

Nhân viên: Vâng xin mời chị sang phòng thử đồ phía kia. Xin chị sử dụng túi trùm đầu dùng khi thử đồ này ạ.

Hiện tại phòng trong cùng đang trống. Xin hãy cởi giày trước khi vào phòng ạ.

Bạn : Tôi hiểu rồi.

16 ^{びよういん}美容院に行きます

[16-1]

Bạn : À, Lisa, chào cậu.

Ừm, thứ Bảy ngày mai, cậu có muốn cùng tớ làm bài tập ở thư viện không?

Lisa : Mai à? Được đấy. Nhưng tớ có chút việc rồi...

Bạn : Thế à. Cậu định làm gì vậy?

Lisa : Buổi sáng tớ sẽ đi tiệm làm tóc. Tớ hẹn lúc 10 giờ.

Buổi trưa thì đi ăn cơm với bạn, sau đó đi mua sắm.

[16-2]

Bạn : Chà, vậy thì bận rộn quá nhỉ.

Lisa : À, nhưng sau khi mua sắm, từ 4 giờ chiều thì tớ rảnh.

Bạn : Ồ, nhưng thế thì cậu có bận rộn quá không?

Lisa : Không, không sao. Tớ cũng muốn làm bài tập cùng cậu mà.

Chúng mình cùng học khoảng 2 tiếng nhé.

17 ^{どようび}土曜日にバイトがあります

[17-1]

Lan : Alo.

Bạn : Alo. Lan ơi, bây giờ cậu có tiện nói chuyện không?

Lan : Tiện chứ. Có chuyện gì thế?

Bạn : À, trước đây cậu có nói là muốn đi karaoke, đúng không?

Lan : À, tớ nhớ chứ.

Bạn : Tuần sau thì thế nào?

Lan : Tuần sau à? Được đấy.

Tuần sau thì, để xem nào, tớ có lịch làm thêm vào thứ Hai, thứ Tư và thứ Bảy.

Thứ Ba và thứ Năm tớ có kế hoạch khác rồi... còn Chủ nhật thì... tớ rảnh.

À, và cả thứ Sáu cũng được nữa.

[17-2]

Bạn : Ok. Tớ hiểu rồi.

À Lan ơi, quán karaoke đó đi vào hôm nào thì rẻ nhỉ?

Lan : Ừm, thứ Hai và thứ Năm thì rẻ hơn một chút.

Thứ Bảy và Chủ nhật thì đắt hơn ngày thường.

Bạn : Tớ rõ rồi. Vậy chúng mình đi vào thứ Sáu nhé.

18 ^{あした} ^ま ^あ 明日の待ち合わせなんだけど…

[18-1]

Lan : Alo. Lan đây.

Bạn : Alo. Lan ơi, bây giờ cậu tiện nói chuyện không?

Lan : Ừ, được chứ.

Bạn : Về buổi karaoke ngày mai ấy, chúng mình hẹn gặp nhau thế nào?

[18-2]

Lan : Để tớ xem nào...

Chúng mình gặp nhau ở ga rồi cùng đi đến quán nhé.

Ừm, vì buổi karaoke bắt đầu lúc 11 giờ, chúng mình gặp nhau ở ga Yamakawa trước đó 15 phút được không?

Bạn : Ừ, thống nhất thế nhé.

19 ^{おそ}遅くなりそう

[19-1]

Bạn : Vâng, alo.

Tanaka: Alo, Anita à?

Bạn : Vâng. Anh Tanaka có chuyện gì thế ạ?

Tanaka: Xin lỗi em! Anh vừa mới ngủ dậy!

Anh sẽ chuẩn bị thật nhanh nhưng chắc sẽ muộn hơn dự kiến khoảng 15 phút. Thật sự xin lỗi em!

Bạn : Thật thế ạ? Em biết rồi. Em cũng vẫn đang ở nhà nên không sao đâu ạ.

[19-2]

Bạn : Vâng, alo.

Tanaka: Anita ơi, anh thật sự xin lỗi.

Bạn : Dạ vâng. Có chuyện gì thế ạ?

Tanaka: Bây giờ anh đang ở ga, nhưng hình như tàu đang chạy không đúng lịch nên chắc anh sẽ đến muộn hơn nữa.

Bạn : Ôi, thế thì phiền thật nhỉ.

Tanaka: Bây giờ là 10 giờ 5 phút rồi... chắc khoảng 20 phút nữa anh mới đến nơi. Thật sự xin lỗi em nhiều nhé!

Bạn : Vâng em biết rồi. Anh đi cẩn thận nhé.

20 休みはどこか行くんですか

[20-1]

- Bạn** : Hôm nay trời cũng lạnh thật đấy nhỉ...
Anh Yamamoto có dự định đi đâu trong kỳ nghỉ năm mới không?
- Yamamoto** : Kỳ nghỉ năm mới à? Ừm, tôi đang định đi Hokkaido.
Tôi muốn trượt tuyết và chơi tuyết.
Tôi cũng muốn đi sở thú để ngắm nhiều động vật đáng yêu nữa.
- Bạn** : Ồ, hay quá. Đây là lần đầu anh đến Hokkaido à?
- Yamamoto** : Vâng. Vì là lần đầu nên tôi vô cùng háo hức!

[20-2]

- Yamamoto** : Chị Natalie cũng định đi đâu trong kỳ nghỉ năm mới à?
- Bạn** : Không, tôi sẽ ở nhà nghỉ ngơi thôi ạ.

21 お持ち帰りですか

[21-1]

Nhân viên: Xin kính chào quý khách.

Quý khách mua mang về hay dùng tại quán ạ?

Bạn : À, dùng tại quán ạ.

[21-2]

Nhân viên: Dùng tại quán đúng không ạ. Trước khi gọi món, xin vui lòng giữ chỗ trước ạ.

Quý khách đã chọn được chỗ ngồi chưa ạ?

Bạn : Vẫn chưa ạ.

Nhân viên: Vậy xin mời quý khách chọn chỗ trước ạ.

Bạn : Tôi hiểu rồi.

22 おなかいっぱいだから…

[22-1]

Bạn : A, ngon thật nhỉ!

Yuto : Ừ, công nhận. Món nào cũng ngon hết.

Món tráng miệng thì sao? Cậu có ăn không?

[22-2]

Bạn : Tớ có nên ăn không nhỉ... Yuto có ăn không?

Yuto : Ừm, chắc tớ có ăn đấy. Còn Yam thì sao?

Bạn : Tớ no căng bụng rồi nên thôi vậy.

23 ^{おおさか}大阪ジュースって…？

[23-1]

Nhân viên: Xin kính chào quý khách. Đây là thực đơn, quý khách muốn gọi món gì ạ?

Bạn : Để xem nào... ừm, xin lỗi, món “Osaka Juice” này là gì vậy ạ?

[23-2]

Nhân viên: Đây là một loại đồ uống nổi tiếng ở Osaka ạ. Thành phần gồm có sữa tươi, chuối và quýt.

Bạn : Có táo trong đó không ạ?

Nhân viên: Dạ không, không có táo đâu ạ.

24 ^{よやく}予約したいんですが...

[24-1]

Nhân viên: Vâng, nhà hàng sushi Hirota xin nghe.

Bạn : Dạ, tôi muốn đặt bàn trước ạ...

Nhân viên: Vâng. Quý khách muốn đặt vào khi nào ạ?

Bạn : Tôi muốn đặt cho 2 người vào lúc 12 giờ thứ Bảy tuần sau ạ.

Nhân viên: Vâng, để tôi kiểm tra lại. Xin vui lòng chờ một lát.

...Xin lỗi đã để quý khách chờ lâu. Thành thật xin lỗi chị, khung giờ đó bên tôi đã kín chỗ mất rồi...

Nếu là từ 11 giờ hoặc 13 giờ thì chúng tôi có thể sắp xếp chỗ cho 2 khách ạ.

Vào lúc 11 giờ có thể đặt chỗ ngồi kiểu Nhật hoặc chỗ ngồi tại quầy; lúc 13 giờ có thể đặt chỗ ngồi tại quầy ạ.

[24-2]

Bạn : Vậy cho tôi đặt chỗ ngồi kiểu Nhật lúc 11 giờ nhé.

Nhân viên: Vâng, tôi đã rõ. Xin quý khách cho biết tên và số điện thoại ạ.

Bạn : Tôi là Nicole. Số điện thoại là 090-123-4567.

Nhân viên: Vâng. Vậy tôi đã hoàn tất đặt bàn cho quý khách rồi ạ.

Nếu muốn hủy, xin quý khách gọi điện thông báo chậm nhất vào ngày hôm trước ạ.

25 スープは、どう？

[25-1]

Bạn : Món sushi này ngon quá!

Hina thích sushi đúng không? Ăn thử đi!

Hina : Ôi, trông ngon thế! Tí nữa tớ sẽ ăn thử.

À, món salad này cũng ngon lắm này. Nước sốt hơi chua chua một chút.

Bạn : Chà, để tớ thử một chút... À, đúng thật. Ngon quá!

Còn món súp đó thì sao?

Hina : Ừm, nó mặn quá, không hợp với tớ lắm...

Bạn : Ơ, thế á. Trông nó ngon thế mà...

[25-2]

Bạn : Ơ? Hina đã ăn đến món tráng miệng rồi à?

Hina : Ừ. Bánh quy này không ngọt lắm. Hơi đắng một chút, có vị dành cho người lớn và ngon lắm.

26 右にまっすぐ^{みぎ}行^いってください

[26-1]

Bạn : Xin lỗi, tôi muốn đi đến Bảo tàng Mỹ thuật Tokyo City ạ.

Nhân viên nhà ga : Bảo tàng Mỹ thuật Tokyo City ạ?

Muốn đến bảo tàng thì đi lối ra số 4; sau khi ra khỏi cổng soát vé, chị đi thẳng về bên phải nhé.

Bạn : Đi thẳng về bên phải, đúng không ạ?

Nhân viên nhà ga : Vâng, sau đó rẽ phải ở cuối đường.

Cứ đi tiếp sẽ thấy thang cuốn.

Đi lên thang cuốn là đến lối ra số 4 ạ.

[26-2]

Nhân viên nhà ga : Ra khỏi lối ra, chị sẽ thấy một lối sang đường lớn ngay phía trước; hãy băng qua đó nhé.

Bạn : Băng qua lối sang đường dành cho người đi bộ, đúng không ạ?

Nhân viên nhà ga : Đúng rồi ạ. Qua đường xong thì đi thẳng về phía bên trái nhé.

Rẽ phải ở góc đường thứ hai rồi đi bộ một chút, bảo tàng sẽ nằm ở phía bên phải.

27 まもなく^{くろかわ}黒川です

[27-1]

Thông báo: Chuyển tàu này là tàu tốc hành đi Nishihara.

Sắp tới ga Kurokawa, Kurokawa. Cửa tàu sẽ mở ở phía bên trái.

[27-2]

Thông báo: Sắp tới ga Kurokawa, Kurokawa. Cửa tàu sẽ mở ở phía bên trái.

Quý khách có thể chuyển sang tuyến tàu điện ngầm và tuyến tàu điện một ray tại đây.

Sau ga Kurokawa, tàu sẽ dừng ở ga cuối cùng là Aoba.

Tàu không dừng ở ga Takada và Shiraishi, xin quý khách lưu ý.

28 コンビニの^{まえ}前にいるよ

[28-1]

Bạn : À alo. Yui à? Cậu đang ở đâu thế?

Yui : À, tớ đến rồi. Tớ đang đứng trước cửa hàng tiện lợi này.

Bạn : Ơ? Thật á? Tớ cũng đang đứng trước cửa hàng tiện lợi mà...

Yui : Thật á? Để xem nào, trong ga cũng có quầy bán hàng nhưng không phải ở đó, mà là cửa hàng tiện lợi ngoài ga đúng không?

Bạn : Đúng rồi. Cạnh đó có hiệu sách đúng không?

Yui : Ơ? Hiệu sách á? Không có hiệu sách nào đâu. Chỉ có ngân hàng thôi.

[28-2]

Bạn : Ngân hàng... À, tớ hiểu rồi! Đó là cửa hàng tiện lợi ở cổng Bắc.

Yui ơi, tụi mình hẹn ở bên này cơ. Cửa hàng tiện lợi ở cổng Nam nhé.

Yui : Ôi, tớ xin lỗi! Tớ qua ngay đây! Đợi tớ nhé!

29 電車^{でんしゃ}がぜんぶ^と止まっているそうです

[29-1]

Thông báo : Hiện tại, do đoàn tàu phía trước đang được kiểm tra, tất cả các chuyến tàu tạm ngừng hoạt động. Chưa xác định được thời gian chạy lại.

Bạn : Xin lỗi anh, loa vừa thông báo gì thế ạ? Tôi nghe không rõ lắm...

Người bên cạnh : À, thông báo vừa rồi à?
Hình như có sự cố gì đó ở đoàn tàu phía trước nên toàn bộ tàu đang phải dừng lại đấy.

Bạn : Ôi thế ạ. Vậy khi nào tàu chạy lại thế anh?

Người bên cạnh : Nghe nói là vẫn chưa biết được đâu.

Bạn : Vậy ạ.

[29-2]

Thông báo : Khi tín hiệu chuyển sang màu xanh, tàu sẽ tiếp tục hoạt động. Hôm nay, chuyến tàu này sẽ kết thúc hành trình tại ga kế tiếp. Quý khách cần đi về hướng ga Morikawa, vui lòng chuyển sang tuyến tàu điện ngầm Bắc-Nam tại ga kế tiếp.

Bạn : Xin lỗi anh, thông báo vừa rồi là sao ạ?

Người bên cạnh : À, nghe nói chuyến tàu này chỉ đi đến ga tiếp theo thôi.
Thế nên nếu chị muốn đi đến ga Morikawa thì tốt nhất nên xuống ở ga tới rồi đổi sang tuyến tàu điện ngầm Bắc-Nam nhé.

Bạn : Ra là vậy. Tôi cảm ơn anh nhiều.

30 お客^{きゃく}さん、どちらまで？

[30-1]

Tài xế: Quý khách muốn đi đến đâu ạ?

Bạn : Cho tôi đến ga nhé.

[30-2]

Tài xế: Sắp đến ga rồi. Xe cộ đông quá nhỉ. Tôi nên dừng xe ở đâu đây ạ?

Bạn : À đúng thật. Dừng ở trước trạm xe buýt cũng được ạ.

Tài xế: Xin lỗi quý khách, trước trạm xe buýt thì không được dừng đỗ xe đâu ạ.

Bạn : Ôi thế ạ. Vậy thì dừng ở góc đường kia nhé.

Tài xế: Ở đó cũng không được đâu ạ. Dừng ở trước cửa hàng hoa kia được không ạ? Chỗ đó thì đỗ được.

Bạn : Dạ vậy dừng ở đó đi ạ.

31 ちょっと忙しいけど、元気だよ

[31-1]

Bạn : Maria ơi, lâu rồi không gặp!

Maria : Ồ, Anas! Thật sự lâu lắm rồi không gặp. Bạn có khỏe không?

Bạn : Ừ, tớ vẫn khỏe, cảm ơn cậu nhé.

[31-2]

Bạn : Maria dạo này có khỏe không?

Maria : Ừ. Hơi bận một chút nhưng tớ khỏe.

Bạn : Thế à. Công việc bận lắm hả?

Maria : Ừ. Tớ đang làm ở quầy lễ tân khách sạn, đang mùa nghỉ hè nên khách đông lắm...

Ngày nào cũng tất bật.

Bạn : Ôi, vất vả nhỉ.

Maria : Ừ. Nhưng mà được trò chuyện với khách đến từ nhiều quốc gia khác nhau nên vui lắm.

Tớ vừa được dùng tiếng Nhật vừa dùng tiếng Anh nên học hỏi được nhiều điều.

Bạn : Hay thật. Công việc đó rất hợp với Maria nhỉ.

32 週末何してるの？ しゅうまつなに

[32-1]

Người bạn: Cuối tuần tớ chơi tennis, nên giờ vai hơi đau...

Bạn : Thế à. Cậu có hay chơi tennis không?

Người bạn: Không. Tớ không thích thể thao lắm... nhưng hôm đó tớ chơi cùng bạn.

Bạn : Ra là vậy. Bình thường cuối tuần cậu hay làm gì?

Người bạn: À, sở thích của tớ là nấu ăn. Tớ luôn nấu món ăn của nhiều nước khác nhau.

Với cả tớ cũng hay xem phim nữa.

Bạn : Chà, tớ cũng thích xem phim lắm đấy.

[32-2]

Bạn : Cậu thích thể loại phim nào?

Người bạn: Phim khoa học viễn tưởng, phim hài... thể loại nào tớ cũng thích cả.

À, nhưng phim kinh dị thì tớ không xem chút nào. Tớ không chịu được những thứ đáng sợ...

Bạn : À ra vậy. Tớ thì thích phim hành động.

Người bạn: Ồ! Tớ cũng cực kỳ thích phim hành động luôn!

33 どのぐらい^{にほんご}日本語を勉強^{べんきょう}していますか

[33-1]

Bạn : Rất vui được làm quen. Tôi tên là Chen. Tôi là sinh viên năm 3 khoa Kinh tế.

Arden : À, xin chào. Tôi tên là Arden. Tôi đến từ Mỹ vào năm ngoái.

Tôi là sinh viên năm tư.

Bạn : Anh Arden nói tiếng Nhật giỏi quá!

Anh đã học tiếng Nhật được bao lâu rồi ạ?

Arden : Để xem nào... Từ hồi học cấp 2 nên tính ra cũng được khoảng 8 năm rồi đấy ạ.

[33-2]

Bạn : Vì sao anh quyết định học tiếng Nhật vậy?

Arden : Ban đầu là vì anime đấy ạ.

Khi lần đầu xem anime hồi cấp hai, tôi đã nghĩ mình muốn thử học tiếng Nhật.

Bạn : Vậy ạ. Thì ra là do anime.

Arden : Vâng. Nhưng hiện giờ tôi muốn nghiên cứu văn học Nhật Bản ở bậc cao học nên ngày nào cũng đọc rất nhiều sách.

Bạn : Nghiên cứu văn học cơ ạ! Nghe có vẻ khó nhỉ... Nhưng có vẻ thú vị đấy chứ.

34 休みはどこか行きましたか

[34-1]

Bạn : Anh Nakamura ơi, kỳ nghỉ vừa rồi anh có đi đâu chơi không?

Nakamura : Có chứ. Tôi đã đi biển cùng gia đình. Thứ Bảy thời tiết rất đẹp.

Bạn : Thích thật đấy. Mọi người có bơi ở biển không?

Nakamura : Khổ nỗi nước vẫn còn rất lạnh nên chúng tôi không bơi.

Nhưng chúng tôi đã tổ chức tiệc nướng trong lúc ngắm biển.

Đây là lần đầu tôi nướng cá trong một bữa tiệc BBQ, nhưng ngon lắm.

Bạn : Thế ạ.

[34-2]

Bạn : Sau bữa tiệc nướng, mọi người làm gì tiếp ạ?

Nakamura : Thứ Bảy chúng tôi nghỉ lại gần biển, còn Chủ nhật thì đi trung tâm thương mại.

Bạn : Chà. Anh có mua được gì không?

Nakamura : Tôi thì muốn mua đôi giày nhưng không tìm được đôi nào ưng ý...

Thế nên rốt cuộc chẳng mua gì cả, chúng tôi đi xem phim rồi về.

Con tôi bảo "Truyện tranh con thích được chuyển thể thành phim rồi nên con muốn xem"...

Dù là bộ truyện tôi không biết nhưng xem cũng hay lắm đấy.

Bạn : Thế thì tuyệt quá nhỉ!

35 おすすめの^{ばしょ}場所がありますか

[35-1]

Bạn : Anh Kobayashi, sắp tới tôi sẽ đi du lịch thành phố Akane.

Kobayashi: Chào, thế à!

Bạn : Anh Kobayashi quê ở thành phố Akane, đúng không ạ? Anh có địa điểm nào muốn giới thiệu không?

Kobayashi: Để xem... Tuy hơi xa ga nhưng ở khu vực gần núi có một tòa thành nổi tiếng...

Mùa này hoa anh đào đang nở rất đẹp đấy.

Ở quảng trường trước tòa thành có rất nhiều người đến ngắm hoa nên nhộn nhịp lắm.

Bạn : Tuyệt quá nhỉ.

[35-2]

Bạn : Anh có gợi ý món ăn nào ngon không ạ?

Kobayashi: Để xem. Thành phố Akane tuy nổi tiếng về mì ramen nhưng cá ở đó cũng ngon lắm đấy.

Bạn : Thế ạ.

Kobayashi: Sushi cũng ngon, nhưng tôi gợi ý nhất là một nhà hàng Ý dùng cá địa phương.

Bạn : Nhà hàng Ý ạ? Tôi rất muốn đến thử.

36 ご利用は初めてですか

[36-1]

Nhân viên: Xin chào. Đây là lần đầu chị sử dụng phòng tập phải không ạ?

Bạn : Vâng, lần đầu tiên ạ.

Nhân viên: Vậy thì tôi xin phép hướng dẫn cách sử dụng nhé.

Đầu tiên là về giày: trong phòng tập, chị nhớ đi giày dùng trong nhà.

Không được đi giày đã đi ở ngoài đường vào ạ.

Bạn : Tôi hiểu rồi.

Nhân viên: Ngoài ra, các loại nước uống như nước lọc hay nước thể thao có thể mang vào, nhưng phải đựng trong chai có nắp đậy như chai nhựa.

Không được mang lon hoặc cốc nước vào phòng tập.

[36-2]

Nhân viên: Còn lại là... cách sử dụng máy tập nhé.

Sau khi dùng máy, xin chị dùng khăn lau mồ hôi trên máy để người tiếp theo có thể sử dụng.

Bạn : Tôi hiểu rồi. Là khăn ở đằng kia, đúng không ạ?

Nhân viên: Vâng. Xin chị bỏ khăn đã dùng vào chiếc hộp kia.

Ngoài ra, thời gian sử dụng cho mỗi máy tối đa là 15 phút, mong chị lưu ý giúp.

Bạn : 15 phút ạ?

Nhân viên: Vâng. Sau khi tập xong, xin vui lòng chuyển sang chỗ khác.

Vì có thể có người khác đang đợi đấy ạ.

Xin vui lòng không ngồi trên máy tập để nghỉ ngơi.

37 どんなイベント？

[37-1]

Người bạn: Này, tuần sau nhóm nghiên cứu của tớ sẽ tổ chức một sự kiện.

Bạn : Ồ, tuyệt thế! Sự kiện gì vậy?

Người bạn: Sự kiện giao lưu quốc tế.

Sinh viên người Nhật và du học sinh sẽ cùng chơi trò chơi và trò chuyện với nhau.

Cậu có thể làm quen được với nhiều bạn mới đấy.

Bạn : Chà, tổ chức ở đâu thế?

Người bạn: Phòng học A201!

[37-2]

Bạn : Sự kiện đó nghe vui đấy! Tổ chức khi nào thế?

Người bạn: 6 giờ tối thứ Ba tuần sau đấy.

Bạn : Thứ Ba tuần sau à... A! Tớ đi được!

Người bạn: Tuyệt! Vậy chốt nhé!

Bạn : Ừm. Chỉ tớ cách đăng ký với.

Người bạn: Gọi điện hoặc gửi email cũng được, nhưng cách này có lẽ dễ hơn.
Cậu quét mã QR này đi.

38 お時間^{じ かん}はどうされますか

[38-1]

Nhân viên: Xin chào quý khách. Quý khách đi hai người phải không ạ?

Bạn : Vâng, đúng rồi.

Nhân viên: Quý khách muốn sử dụng trong bao lâu ạ?

Bạn : Cho chúng tôi hai tiếng nhé.

Nhân viên: Quý khách có mang theo thẻ thành viên hay thẻ sinh viên không ạ?

Bạn : À, vâng, có ạ.

[38-2]

Nhân viên: Phòng của quý khách là phòng 503 ở tầng 5 ạ.

Quý khách được dùng đồ uống không cồn không giới hạn, nên xin vui lòng tự lấy tại quầy đồ uống ạ.

Chúc quý khách có những giây phút thư giãn ạ.

39 おく遅れないようおねがいます

[39-1]

Hướng dẫn viên : Thưa quý khách, chúng ta đã đến lối vào chùa Kenchoji.

Chùa Kenchoji là một ngôi chùa lịch sử được xây dựng vào năm 1253.

Đây cũng là ngôi chùa lớn nhất ở Kamakura, bên trong có rất nhiều điểm tham quan thú vị.

Từ giờ đến lúc đi nhà hàng là thời gian tham quan tự do.

Xin mời quý khách tự do tham quan những nơi mình thích trong chùa trong vòng 1 tiếng kể từ bây giờ ạ.

[39-2]

Hướng dẫn viên : Sau khi tham quan chùa, lúc 11 giờ 30 chúng ta sẽ di chuyển đến địa điểm tiếp theo, là nhà hàng nơi dùng bữa trưa.

Xin quý khách vui lòng tập trung trước 5 phút, tức là vào 11 giờ 25 phút.

Địa điểm tập trung là bãi đỗ xe, à, chính là nơi chúng ta vừa xuống xe buýt lúc nãy.

Chúng ta sẽ cùng đi đến nhà hàng sau khi đông đủ mọi người, vì vậy mong quý khách không đến muộn.

40 SNS にアップしても大丈夫です^{だいじょうぶ}

[40-1]

Nhân viên: Thưa quý vị, cảm ơn quý vị đã đến tham quan nhà máy hôm nay.

Đầu tiên, tôi có một vài lưu ý về việc chụp ảnh.

Trong nhà máy quý vị có thể tự do chụp ảnh, nhưng xin vui lòng không sử dụng đèn flash.

Ngoài ra, khi chụp ảnh, xin quý vị luôn cầm điện thoại hoặc máy ảnh trên tay.

Việc sử dụng chân máy ảnh hoặc gậy tự sướng rất nguy hiểm, nên xin quý vị vui lòng không sử dụng.

[40-2]

Nhân viên: Tiếp theo, tôi xin phép giải thích về việc đăng tải lên mạng xã hội (SNS).

Những bức ảnh chụp ngày hôm nay, quý vị hoàn toàn có thể đăng lên mạng xã hội.

Tuy nhiên, xin đừng đăng ảnh có sự xuất hiện của khách khác hoặc nhân viên.

Nếu là ảnh chỉ có bánh kẹo hoặc máy móc thì không có vấn đề gì.

Vui lòng tuân thủ quy định và tận hưởng chuyến tham quan nhé.

41 はじ 初めてなんですが…

[41-1]

Nhân viên lễ tân : Xin chào anh.

Bạn : Dạ, đây là lần đầu tiên tôi đến khám ạ...

Nhân viên lễ tân : À, vâng. Anh có đặt lịch hẹn trước chưa?

Bạn : Vâng, tôi đã đặt lịch lúc 11 giờ qua mạng ạ.

Nhân viên lễ tân : Anh Khanh đặt lịch lúc 11 giờ phải không ạ? Vậy xin anh xuất trình thẻ My Number.

[41-2]

Nhân viên lễ tân : Vậy anh vui lòng điền địa chỉ, họ tên, triệu chứng hôm nay và các thông tin khác vào phiếu hỏi bệnh này.

Xin mời anh qua chiếc ghế sofa bên kia ngồi đợi ạ.

Bạn : Vâng ạ.

42 しばらく^{いえ やす}家で休んでください

[42-1]

Bác sĩ : Anh Garcia, hãy cố gắng không cử động vùng bị thương và nghỉ ngơi ở nhà một thời gian nhé.

Bạn : Tôi hiểu rồi. Xin hỏi bác sĩ, tôi có được tắm bồn không ạ?

Bác sĩ : Hôm nay thì nên tránh. Anh chỉ nên lau người thôi.

Bạn : Vâng tôi rõ rồi. Cảm ơn bác sĩ.

[42-2]

Bạn : Dạ, ngày kia tôi có buổi tập bóng đá... Tôi có thể tham gia được không?

Bác sĩ : Ngày kia à? E là ngày kia chưa tập được.

Bạn : Thế ạ. Vậy từ khi nào thì tôi có thể tập lại được ạ?

Bác sĩ : Tôi nghĩ anh chưa thể tập lại ngay được.

Anh đừng tập luyện trong một thời gian nhé.

Sau đó, một tuần nữa hãy đến đây kiểm tra lại xem sao. Lúc đó chúng ta sẽ tính tiếp nhé.

Bạn : Vâng, tôi hiểu rồi ạ.

43 あまり飲^のまないようにしています

[43-1]

Bạn : Anh Ishikawa muốn uống gì ạ?

Ishikawa : Ừm, vậy cho tôi trà ô long nhé.

Bạn : Ờ, anh không uống rượu ạ?

Ishikawa : Vâng, tôi thích uống rượu lắm nhưng bác sĩ bảo uống nhiều quá không tốt...

Dạo này tôi cố gắng hạn chế uống rượu bia.

Bạn : À, ra là vậy. Thế thì đúng là nên cẩn thận nhỉ.

[43-2]

Ishikawa : Tôi cũng đang chú ý nhiều thứ khác nữa đấy.

Bạn : Chà, là những chuyện gì thế ạ?

Ishikawa : Ừm, tôi thích ăn đồ mặn nhưng giờ đang cố gắng không ăn nhiều nữa. Bữa trưa tôi toàn mua ở cửa hàng tiện lợi, nhưng giờ luôn chọn những món có hàm lượng muối thấp.

Bạn : À, điều đó thực sự quan trọng đấy.

Ishikawa : Thêm nữa là tôi cũng đang tập thể dục.

Mỗi sáng, tôi xuống ở ga ngay trước ga gần công ty rồi đi bộ khoảng 20 phút.

Ngoài ra, tôi cũng đã bắt đầu chạy bộ. Sau giờ làm, tôi chạy khoảng 1 tiếng đồng hồ.

Bạn : Hay quá. Có lẽ tôi cũng thử làm xem.

44 どうぞお^{だいじ}大事になさってください

[44-1]

Dược sĩ: Xin lỗi đã để chị chờ. Hôm nay bác sĩ kê cho chị thuốc dị ứng.

Đầu tiên, đây là thuốc nhỏ mắt. Thuốc này giúp làm dịu cơn ngứa mắt.

Bạn : Vâng.

Dược sĩ: Cái này thì chị nhỏ 1 ngày 2 lần vào buổi sáng và buổi tối nhé.

[44-2]

Dược sĩ: Còn đây là thuốc uống. Là thuốc giúp ngăn hắt hơi và chảy nước mũi ạ.

Uống 1 ngày 1 lần sau bữa ăn sáng nhé. Thuốc này dùng trong 1 tuần.

Bạn : Vâng, tôi rõ rồi.

Dược sĩ: Thuốc này có thể gây hơi buồn ngủ, nên chị hãy chú ý.

Bạn : Vâng ạ.

Dược sĩ: Vậy chúc chị mau khỏe nhé.

Bạn : Tôi cảm ơn ạ.

45 お名前^{なまえ}をお願い^{ねが}します

[45-1]

Y tá : Xin vui lòng cho biết tên ạ.

Bạn : Tôi là Lee Shun.

Y tá : Anh đặt một tay lên đây rồi nắm nhẹ lại nhé.

[45-2]

Y tá : Anh đã từng bị đỏ da khi sát trùng bằng cồn chưa ạ?

Bạn : Dạ, chưa từng ạ.

Y tá : Tôi hiểu rồi. Nếu anh thấy khó chịu thì báo ngay cho tôi nhé.

...Xong rồi ạ. Cảm ơn anh đã hợp tác.

Xin vui lòng dùng ngón tay ấn giữ chỗ này khoảng 5 phút. Nhớ là không được xoa đầu nhé.

Bạn : Vâng, tôi hiểu rồi. Cảm ơn chị.

46 お給料^{きゅうりょう}について説明^{せつめい}します

[46-1]

Quản lý: Vậy tôi sẽ giải thích về mức lương nhé. Mức lương cơ bản là 1.300 yên một giờ.

Từ 5 giờ chiều trở đi sẽ được cộng thêm 100 yên.

Bạn : Vâng, em hiểu rồi ạ.

Quản lý: Ngoài ra, thứ Bảy và Chủ nhật cao hơn ngày thường 50 yên, nên mức cơ bản là 1.350 yên.

Bạn : Em rõ rồi. Em cảm ơn ạ.

[46-2]

Bạn : Xin lỗi, em có một câu hỏi ạ.

Quản lý: Em cứ hỏi đi.

Bạn : Về trang phục thì có quy định gì không ạ?

Quản lý: À, đúng rồi. Khi làm ở cửa hàng, em sẽ mặc tạp dề đồng phục.

Quần áo mặc bên dưới tạp dề thì em tự chuẩn bị nhé.

Áo phía trên thì mặc sơ mi trắng. Còn phía dưới thì phiền em mặc quần dài màu đen nhé. Không được mặc váy đâu.

Bạn : Vâng, em biết rồi ạ. Em cảm ơn.

47 来^きてもらえると助^{たす}かるんだけど

[47-1]

Quản lý: Su ơi, em có thể nói chuyện một chút không?

Bạn : Dạ, anh gọi em có việc gì ạ?

Quản lý: Về thứ Tư tuần sau, chị Yamashita đột xuất phải nghỉ...

Anh biết là phiền em nhưng em có thể làm thay ca của Yamashita được không?

Bạn : Vâng, được ạ. Không sao đâu anh.

Quản lý: Cảm ơn em. May mà có em giúp.

[47-2]

Quản lý: Ngoài ra, thứ Bảy cuối tháng này, ngày 29, có vẻ sẽ rất bận.

Chỉ cần làm khoảng 2 đến 3 tiếng thôi, nếu em đến được thì sẽ giúp anh nhiều lắm...

Bạn : Em rất xin lỗi. Ngày hôm đó thì em...

48 野菜^{やさい}を切^きってもらえる？

[48-1]

Quản lý: À, Ryu, chào buổi sáng! Trước tiên hôm nay em giúp chị dọn dẹp nhé?

Vì không khí hơi bí nên đầu tiên em mở hết tất cả các cửa sổ giúp chị nhé.

Bạn : Vâng, em rõ rồi ạ.

Quản lý: Sau đó, như mọi khi, em hút bụi sàn khu vực phục vụ khách nhé.

Bàn thì chị lau xong rồi nên không cần làm nữa.

Bạn : Vâng, em hiểu rồi ạ.

Quản lý: Còn việc dọn nhà vệ sinh thì chị sẽ lo. Vậy nhờ em nhé!

[48-2]

Quản lý: Ryu, tiếp theo là chuẩn bị rau. Em cắt số rau ở đây giúp chị nhé?

Bạn : Vâng. Em rõ rồi ạ.

Quản lý: Bắp cải thì em thái sợi mỏng nhé.

Bạn : Vâng, thái sợi mỏng đúng không ạ? Em hiểu rồi. Cà rốt có cắt luôn không chị?

Quản lý: Ừ, cà rốt thì cắt khoanh nhé.

Bạn : Cắt khoanh... ạ?

Quản lý: À, cắt khoanh là cắt thành hình tròn. Em cắt sao cho mặt cắt có hình tròn nhé.

Bạn : À, vâng ạ. Em hiểu rồi.

49 ^{なに}何かいい^{ほうほう}方法がありますか

[49-1]

Bạn : Chị Ito, em mãi không nhớ được tên các món. Chị có cách nào hay không ạ?

Ito : Lúc đầu chị cũng vất vả lắm. Chị chụp ảnh các món bằng điện thoại rồi về nhà xem đi xem lại nhiều lần.

Bạn : Chụp ảnh ạ! Cách đó hay quá chị nhỉ.

Ito : Với lại trong lúc làm việc, chị cũng cố gắng kiểm tra lại tên món ăn nhiều lần.

Bạn : Hay quá ạ. Từ ngày mai em sẽ thử làm như vậy!

[49-2]

Bạn : Chị Ito ơi, em hỏi thêm một câu nữa được không ạ?

Ito : Được chứ, chuyện gì thế em?

Bạn : Lúc nãy, em bị khách mắng là "Lên món chậm quá!"...

Ito : Ôi, thế thì khó xử cho em quá nhỉ.

Bạn : Vâng. Khách nói đột ngột quá nên em không giải thích được lý do.

Ito : Đúng là giật mình thật đấy chứ. Nhưng những lúc như thế, trước khi giải thích lý do thì việc đầu tiên và tốt nhất là xin lỗi họ: "Thành thật xin lỗi vì đã để quý khách phải đợi lâu" em ạ.

Bạn : Ra là vậy ạ.

Ito : Ừ. Sau đó, em hãy báo ngay cho quản lý.

50 席^{せき}を外^{はず}しております

[50-1]

Bạn : Vâng, phòng kinh doanh công ty thương mại Midori, tôi là Park xin nghe ạ.

Kimura: Cảm ơn quý công ty luôn hỗ trợ chúng tôi. Tôi là Kimura của Công ty Central System.

Cho tôi hỏi có Trưởng phòng Yamada ở đó không ạ?

Bạn : Xin lỗi chị, anh Yamada hiện đang tạm rời bàn làm việc ạ.

Kimura: Thế ạ. Tôi có chút chuyện muốn trao đổi về phần tài liệu đã gửi hôm trước...

[50-2]

Kimura: Vì tôi muốn trao đổi trực tiếp với anh Yamada nên lát nữa tôi sẽ gọi lại ạ.

Bạn : Vâng, tôi hiểu rồi. Vậy nhờ chị gọi lại sau ạ.

51 どんなかばんでしょうか

[51-1]

Nhân viên trung tâm thương mại : Cảm ơn quý khách đã gọi điện.

Trung tâm Dịch vụ khách hàng của Trung tâm thương mại Wakaba xin nghe. Xin hỏi quý khách cần hỗ trợ việc gì ạ?

Bạn : Dạ, tôi có bỏ quên một chiếc túi xách ở đó ạ...

[51-2]

Nhân viên trung tâm thương mại : Dạ tôi hiểu rồi. Đó là chiếc túi như thế nào ạ?

Bạn : Đó là một chiếc ba lô màu đen, loại to ạ.

Nhân viên trung tâm thương mại : Ba lô to màu đen đúng không ạ. Chiếc ba lô có đặc điểm nhận dạng nào dễ thấy từ bên ngoài không ạ?

Bạn : Nó có gắn một chiếc móc khóa hình con thỏ ạ.

52 Wi-Fi がつながらなくて…

[52-1]

Nhân viên hỗ trợ : Vâng, trung tâm hỗ trợ xin nghe. Quý khách đang gặp vấn đề gì ạ?

Bạn : Xin lỗi, Wi-Fi của tôi không kết nối được... Tôi không dùng được internet trên máy tính.

Nhân viên hỗ trợ : Về vấn đề Wi-Fi đúng không ạ. Thành thật xin lỗi vì sự bất tiện này. Vậy phiền chị thử thao tác một lần theo hướng dẫn của tôi được không ạ?

Bạn : Vâng ạ.

Nhân viên hỗ trợ : Chị có biết bộ định tuyến Wi-Fi không ạ? Hãy thử rút phích cắm điện của bộ định tuyến ra.

Bạn : Vâng, tôi hiểu rồi.

Nhân viên hỗ trợ : Chờ khoảng 1 phút rồi chị cắm lại dây nguồn của bộ định tuyến nhé. Khi khởi động lại như vậy thì đôi khi mạng sẽ kết nối lại được đấy ạ.

[52-2]

Bạn : Ừm, vẫn không kết nối được ạ.

Nhân viên hỗ trợ : Thế ạ. Vậy thì chúng tôi sẽ cử người đến sửa chữa. Về việc sửa chữa, chiều mai trong khoảng từ 2 giờ đến 4 giờ chúng tôi có thể qua được. Không biết thời gian đó có tiện cho chị không ạ?

Bạn : Thời gian đó được ạ.

Nhân viên hỗ trợ : Vậy trước khi đến chúng tôi sẽ gọi điện thoại trước, phiền chị chú ý nghe điện thoại giúp nhé.

Bạn : Vâng, tôi hiểu rồi. Nhờ anh giúp ạ.

53 燃^もえないごみ^ひの日^だに出^ですんですよ

[53-1]

Sato : Chào buổi sáng cháu.

Bạn : À, cháu chào bác Sato ạ.

Sato : Amit ơ, đó là cái nôi phải không?

Bạn : À vâng ạ. Tại nó cũ rồi nên cháu tính đem vứt đi.

Sato : Hôm nay là thứ Ba, ngày thu gom rác đốt được, đúng không?

Nôi làm bằng kim loại nên hôm nay không vứt được. Cháu phải đem ra vào ngày thu gom rác không đốt được.

Bạn : Thế ạ. Cháu không biết chuyện đó luôn!

[53-2]

Sato : Rác không cháy được sẽ được thu gom vào thứ Sáu của tuần thứ hai và tuần thứ tư hằng tháng.

Thứ Sáu tuần này đúng vào thứ Sáu thứ hai.

Bạn : À, vậy ạ. Cháu rõ rồi ạ!

Sato : À, với cả nhớ chú ý đến thời gian đổ rác nữa nhé cháu.

Bạn : Thời gian ạ?

Sato : Vâng. Rác đốt được, rác không đốt được và rác tái chế, tất cả đều phải mang ra trước 8 giờ sáng nhé.

54 火^か事^じですか、救^{きゅう}急^{きゅう}ですか

[54-1]

Tổng đài 119: Tổng đài 119 xin nghe. Xin hỏi có hỏa hoạn hay cần xe cấp cứu ạ?

Bạn : Cần cấp cứu ạ.

[54-2]

Tổng đài 119: Đã xảy ra chuyện gì thế ạ?

Bạn : Dạ, có một người đi xe đạp va chạm với ô tô ạ.

Tổng đài 119: Tôi rõ rồi. Đầu tiên, xin vui lòng cho biết địa điểm ạ.

Bạn : Dạ, là đoạn đường ở phía trước Bưu điện Trung tâm ạ.

Tổng đài 119: Phía trước Bưu điện Trung tâm đúng không ạ. Tình trạng người bị thương thế nào rồi ạ?

Bạn : Hình như người đó bị va đập ở đầu và đang kêu đau. Không thấy chảy máu.

Tổng đài 119: Tôi hiểu rồi. Xe cứu thương đang trên đường tới. Trong lúc chờ xe đến, hãy ở bên cạnh và tiếp tục nói chuyện để trấn an người bị thương. Không được di chuyển người bị thương. Khi nghe thấy tiếng còi xe cấp cứu, hãy vẫy tay ra hiệu.

Bạn : Vâng, tôi rõ rồi ạ.

55 ^{ひなん}避難してください

[55-1]

Hiện vừa xảy ra hỏa hoạn. Khói đang bốc ra từ phòng thí nghiệm 213, tầng 2, tòa nhà số 4. Sinh viên, giảng viên và nhân viên nhà trường hãy bình tĩnh, nhanh chóng sơ tán ra sân trường.

[55-2]

Hãy sơ tán ra sân trường qua lối thoát hiểm. Để tránh hít phải khói, hãy hạ thấp người khi di chuyển và dùng khăn tay hoặc vật tương tự che miệng, mũi. Không sử dụng thang máy; hãy đi bằng cầu thang bộ.